

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV
CTCP CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **0948** /BC-KTTC

V/v giải trình lợi nhuận chênh lệch
10% so với cùng kỳ năm trước

Tp.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2020

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành giải trình về việc lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính Quý 1 năm 2020 biến động tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2019 như sau:


- Lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2019 là: 10.197.701.135 đồng
- Lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2020 là: 20.799.991.605 đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý 1 năm 2020	Quý 1 năm 2019	Chênh lệch so với cùng kỳ năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	128.870.720.777	112.810.555.561	16.060.165.216
2	Giá vốn hàng bán	83.533.210.940	75.665.649.644	7.867.561.296
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.337.509.837	37.144.905.917	8.192.603.920
4	Doanh thu hoạt động tài chính	140.633.534	20.143.141	120.490.393
5	Chi phí tài chính	527.914.562	561.478.417	(33.563.855)
	Trong đó: chi phí lãi vay	527.914.562	561.478.417	(33.563.855)
6	Chi phí bán hàng	13.799.386.555	17.317.031.603	(3.517.645.048)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.100.735.231	7.750.439.725	350.295.506
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23.050.107.023	11.536.099.313	11.514.007.710
9	Thu nhập khác	60.994.760	48.009.330	12.985.430
10	Chi phí khác	-	-	-
11	Lợi nhuận khác	60.994.760	48.009.330	12.985.430
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.111.101.783	11.584.108.643	11.526.993.140
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.311.110.178	1.386.407.508	924.702.670
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.799.991.605	10.197.701.135	10.602.290.470

Lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2020 tăng 10.602.290.470 đồng so với quý 1 năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là:

(1)	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 16.060.165.216 đồng do: + Sản lượng nước bán ra tăng 121.781m ³ + Đơn giá bán ra tăng 1.474 đồng/m ³
(2)	Giá vốn hàng bán tăng 7.867.561.296 đồng do đơn giá mua vào tăng 902,17 đồng/m ³
(3)	Từ điểm (1) và (2) trên, dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 8.192.603.920 đồng (= 16.060.165.216 – 7.867.561.296)
(4)	Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 120.490.393 đồng do Công ty có các hợp đồng tiền gửi từ 01 tháng đến 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.
(5)	Chi phí tài chính giảm 33.563.885 đồng do đã thanh toán được một phần nợ gốc.
(6)	Chi phí bán hàng giảm 3.517.645.048 đồng, chủ yếu là giảm chi phí sửa chữa ống mực vì Quý 1 năm 2020 Công ty chưa được cấp phép đào đường.
(7)	Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 350.295.506 đồng do tăng chi phí dịch vụ mua ngoài.
(8)	Từ các nguyên nhân trên, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty quý 1 năm 2020 tăng 11.514.007.710 đồng.
(9)	Thu nhập khác tăng 12.985.430 đồng thu được khoản nợ khó đòi tiền nước từ các năm trước.
(11)	Từ điểm (9) và (10) dẫn đến Lợi nhuận khác tăng 12.985.430 đồng
(12)	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 11.514.007.710 đồng, lợi
(13)	nhuận khác tăng 12.985.430 đồng, nên Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
(14)	tăng 11.526.993.140 đồng. Từ đó, dẫn đến Thuế Thu nhập doanh nghiệp quý 1 năm 2020 tăng 924.702.670 đồng

Trên đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh quý 1 năm 2020 của Công ty.

Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: KTTC, VT



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Phúc